

DANH SÁCH HỌC SINH THAM QUAN TRẠI NGHIỆM
ĐÀ LẠT - NĂM HỌC 2018 - 2019
(THEO XE)

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
1	Nguyễn Hoàng Đức Anh	12A3	Nam	x	XE 1
2	Trần Nguyễn Minh Anh	12A3	Nữ	x	XE 1
3	Trần Thái Bảo	12A3	Nam	x	XE 1
4	Trần Tuấn Danh	12A3	Nam	x	XE 1
5	Nguyễn Thị Hồng Diễm	12A3	Nữ	x	XE 1
6	Hoàng Minh Đức	12A3	Nam	x	XE 1
7	Nguyễn Trịnh Kim Duyệt	12A3	Nam	x	XE 1
8	Phạm Quang Duyệt	12A3	Nam	x	XE 1
9	Huỳnh Thị Bích Duyên	12A3	Nữ	x	XE 1
10	Vũ Huy Hải	12A3	Nam	x	XE 1
11	Nguyễn Đức Hiếu	12A3	Nam	x	XE 1
12	Hồ Bảo Hoa	12A3	Nữ	x	XE 1
13	Đỗ Nguyễn Diệu Huyền	12A3	Nữ	x	XE 1
14	Nguyễn Bảo Khánh	12A3	Nam	x	XE 1
15	Nguyễn Trần Trung Kiên	12A3	Nam	x	XE 1
16	Đặng Nguyễn Bảo Lâm	12A3	Nam	x	XE 1
17	Hoàng Nhật Linh	12A3	Nữ	x	XE 1
18	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12A3	Nữ	x	XE 1
19	Phan Thiếu Long	12A3	Nam	x	XE 1
20	Cao Y Minh	12A3	Nữ	x	XE 1
21	Nguyễn Lê Minh Nghĩa	12A3	Nam	x	XE 1
22	Đỗ Hồng Ngọc	12A3	Nữ	x	XE 1
23	Tạ Tấn Bội Nhân	12A3	Nam	x	XE 1
24	Huỳnh Lê Ngọc Như	12A3	Nữ	x	XE 1
25	Nguyễn Hiếu Minh Quân	12A3	Nam	x	XE 1
26	Đào Duy Quang	12A3	Nam	x	XE 1
27	Nguyễn Quang	12A3	Nam	x	XE 1
28	Võ Huy Quốc	12A3	Nam	x	XE 1
29	Lê Thị Huỳnh Sang	12A3	Nữ	x	XE 1
30	Khúc Trường Sơn	12A3	Nam	x	XE 1
31	Phạm Văn Thắng	12A3	Nam	x	XE 1
32	Ngô Đặng Nhật Thảo	12A3	Nữ	x	XE 1

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
33	Nhan Minh Thư	12A3	Nữ	x	XE 1
34	Phan Minh Trang	12A3	Nữ	x	XE 1
35	Lê Thành Vũ Trụ	12A3	Nam	x	XE 1
36	Dương Hoàng Tuấn	12A3	Nam	x	XE 1
37	Hoàng Anh Tuấn	12A3	Nam	x	XE 1
38	Trương Thúy Vi	12A3	Nữ	x	XE 1
39	Nguyễn Long Vinh	12A3	Nam	x	XE 1
40	Nguyễn Thị Thùy Vy	12A3	Nữ	x	XE 1
41	Tôn Nữ Thúy Vy	12A3	Nữ	x	XE 1
42	Phạm Ngọc Bảo	11A1	Nữ	x	XE 10
43	Nguyễn Tiến Đạt	11A1	Nam	x	XE 10
44	Hoàng Gia Huy	11A1	Nam	x	XE 10
45	Lê Hoàng Long	11A1	Nam	x	XE 10
46	Nguyễn Tuyết Ngân	11A1	Nữ	x	XE 10
47	Nguyễn Ngọc Như	11A1	Nữ	x	XE 10
48	Võ Thị Mỹ Oanh	11A1	Nữ	x	XE 10
49	Đoàn Lê Ái Phi	11A1	Nữ	x	XE 10
50	Phan Nghi Phụng	11A1	Nữ	x	XE 10
51	Nguyễn Khắc Qui	11A1	Nam	X	XE 10
52	Cao Nguyễn Như Quỳnh	11A1	Nữ	x	XE 10
53	Nguyễn Minh Tâm	11A1	Nam	x	XE 10
54	Trịnh Lương Hoài Tâm	11A1	Nữ	x	XE 10
55	Tạ Minh Tân	11A1	Nam	x	XE 10
56	Lê Tấn Toàn	11A1	Nam	x	XE 10
57	Trần Lê Bình An	11A7	Nam	x	XE 10
58	Lê Thị Trâm Anh	11A7	Nữ	x	XE 10
59	Tôn Nữ Kim Ánh	11A7	Nữ	x	XE 10
60	Huỳnh Diễm Diễm	11A7	Nữ	x	XE 10
61	Phạm Kiều Hân	11A7	Nữ	x	XE 10
62	Ngô Quốc Hậu	11A7	Nam	x	XE 10
63	Nguyễn Văn Hiếu	11A7	Nam	x	XE 10
64	Nguyễn Thị Kim Hồng	11A7	Nữ	x	XE 10
65	Trần Gia Huy	11A7	Nam	x	XE 10
66	Vũ Đức Huy	11A7	Nam	x	XE 10
67	Nguyễn Hoàng Nhật Khang	11A7	Nam	x	XE 10
68	Đoàn Minh Khoa	11A7	Nam	x	XE 10

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
69	Bùi Lâm	11A7	Nam	x	XE 10
70	Lưu Thị Mai	11A7	Nữ	x	XE 10
71	Bùi Thế Nghĩa	11A7	Nam	x	XE 10
72	Nguyễn Hoàng Nhân	11A7	Nam	x	XE 10
73	Bạch Ái Nhi	11A7	Nữ	x	XE 10
74	Quách Lê Hoàng Nhi	11A7	Nữ	x	XE 10
75	Lê Quang Phú	11A7	Nam	x	XE 10
76	Trương Thanh Thảo	11A7	Nữ	x	XE 10
77	Phạm Ngọc Hưng Thịnh	11A7	Nam	x	XE 10
78	Đào Kim Trang	11A7	Nữ	x	XE 10
79	Đỗ Thanh Triều	11A7	Nam	x	XE 10
80	Phạm Minh Tuấn	11A7	Nam	x	XE 10
81	Đoàn Nguyễn Khánh Vân	11A7	Nữ	x	XE 10
82	Nguyễn Thanh Vy	11A7	Nữ	x	XE 10
83	Phạm Hoàng Anh	11A2	Nam	x	XE 11
84	Lê Chí Tôn Bảo	11A2	Nam	x	XE 11
85	Trương Nguyễn Thành Công	11A2	Nam	x	XE 11
86	Lưu Danh Đạt	11A2	Nam	x	XE 11
87	Đỗ Xuân Quý Dương	11A2	Nam	x	XE 11
88	Bùi Công Hậu	11A2	Nam	x	XE 11
89	Nguyễn Công Hiếu	11A2	Nam	x	XE 11
90	Lê Bảo Hoàng	11A2	Nam	x	XE 11
91	Nguyễn Hoàng Chi	12A10	Nam	x	XE 11
92	Nguyễn Quốc Anh Duy	12A10	Nam	x	XE 11
93	Lại Văn Hậu	12A10	Nam	x	XE 11
94	Huỳnh Võ Đức Huy	12A10	Nam	x	XE 11
95	Võ Minh Huyền	12A10	Nữ	x	XE 11
96	Trần Minh Khang	12A10	Nam	x	XE 11
97	Phạm Lê Đăng Khánh	12A10	Nam	x	XE 11
98	Lê Thị Phương Linh	12A10	Nữ	x	XE 11
99	Nguyễn Huỳnh Luân	12A10	Nam	x	XE 11
100	Trần Công Minh	12A10	Nam	x	XE 11
101	Phan Đức Nghĩa	12A10	Nam	x	XE 11
102	Nguyễn Hà Như	12A10	Nữ	x	XE 11
103	Nguyễn Hoàng Tiểu Phương	12A10	Nữ	x	XE 11
104	Phạm Nguyễn Kim Phượng	12A10	Nữ	x	XE 11

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
105	Nguyễn Hoàng Quân	12A10	Nam	x	XE 11
106	Trần Dũng Quân	12A10	Nam	x	XE 11
107	Nguyễn Lê Như Quỳnh	12A10	Nữ	x	XE 11
108	Hồ Văn Rel	12A10	Nam	x	XE 11
109	Trần Cao Sang	12A10	Nam	x	XE 11
110	Nguyễn Chí Thành	12A10	Nam	x	XE 11
111	Nguyễn Tuấn Thành	12A10	Nam	x	XE 11
112	Nguyễn Thị Phương Thảo	12A10	Nữ	x	XE 11
113	Nguyễn Xuân Thu	12A10	Nam	x	XE 11
114	Nguyễn Hoàng Anh Thư	12A10	Nữ	x	XE 11
115	Lê Vũ Huệ Trân	12A10	Nữ	x	XE 11
116	Nguyễn Thành Trung	12A10	Nam	x	XE 11
117	Vũ Ngọc Tuấn	12A10	Nam	x	XE 11
118	Hồng Tuyết Thanh Tuyền	12A10	Nữ	x	XE 11
119	Nguyễn Hoàng Tường Vi	12A10	Nữ	x	XE 11
120	Bùi Quốc Việt	12A10	Nam	x	XE 11
121	Nguyễn Hoàng Vũ	12A10	Nam	x	XE 11
122	Nguyễn Trương Hồ Vũ	12A10	Nam	x	XE 11
123	Huỳnh Thị Mộng Bình	11A9	Nữ	x	XE 12
124	Dương Nhật Hào	11A9	Nam	x	XE 12
125	Nguyễn Trần Anh Huy	11A9	Nam	x	XE 12
126	Mai Anh Khoa	11A9	Nam	x	XE 12
127	Trần Anh Khoa	11A9	Nam	x	XE 12
128	Đặng Hải Lâm	11A9	Nam	x	XE 12
129	Nguyễn Hương Loan	11A9	Nữ	X	XE 12
130	Trần Nguyễn Hạnh Nguyên	11A9	Nữ	x	XE 12
131	Nguyễn Thanh Nhân	11A9	Nữ	x	XE 12
132	Lê Ngọc Phúc	11A9	Nam	x	XE 12
133	Mai Huy Phúc	11A9	Nam	x	XE 12
134	Lâm Hoàng Thiện	11A9	Nam	x	XE 12
135	Nguyễn Hoàng Anh Thư	11A9	Nữ	x	XE 12
136	Lê Thị Trang Vy	11A9	Nữ	x	XE 12
137	Từ Thị Ngọc Yến	11A9	Nữ	x	XE 12
138	Mai Quế Anh	12A6	Nữ	x	XE 12
139	Trần Tuấn Anh	12A6	Nữ	x	XE 12
140	Đỗ Văn Tiến Dũng	12A6	Nam	x	XE 12

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
141	Phùng Nguyễn Thu Hà	12A6	Nữ	x	XE 12
142	Lê Kim Hải	12A6	Nam	x	XE 12
143	Hồ Gia Hân	12A6	Nữ	x	XE 12
144	Lâm Vĩnh Hào	12A6	Nam	x	XE 12
145	Hồ Nguyễn Như Hào	12A6	Nữ	x	XE 12
146	Vũ Minh Hiếu	12A6	Nam	x	XE 12
147	Phạm Đại Long Hoàng	12A6	Nam	x	XE 12
148	Tạ Gia Hưng	12A6	Nam	x	XE 12
149	Lý Trần Gia Huy	12A6	Nam	x	XE 12
150	Phạm Đức Huy	12A6	Nam	x	XE 12
151	Cao Vỹ Khang	12A6	Nam	x	XE 12
152	Hồ Đăng Khánh	12A6	Nam	x	XE 12
153	Nguyễn Thanh Lộc	12A6	Nam	x	XE 12
154	Võ Huỳnh Hoàng Minh	12A6	Nam	x	XE 12
155	Tô Hoàng Bảo My	12A6	Nữ	x	XE 12
156	Lê Nguyễn Nhật Phi	12A6	Nam	x	XE 12
157	Nguyễn Nhật Quang	12A6	Nam	x	XE 12
158	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	12A6	Nữ	x	XE 12
159	Nguyễn Đức Thiện	12A6	Nam	x	XE 12
160	Nguyễn Đạt Thịnh	12A6	Nam	x	XE 12
161	Trần Ngọc Anh Thư	12A6	Nữ	x	XE 12
162	Bùi Huỳnh Duy Trường	12A6	Nam	x	XE 12
163	Nguyễn Đỗ Cát Tường	12A6	Nữ	x	XE 12
164	Đoàn Đình Vinh	12A6	Nam	x	XE 12
165	Nguyễn Lê Triều Vỹ	12A6	Nam	x	XE 12
166	Phan Minh Thuận	12A6	Nam	x	XE 12
167	Nguyễn Hương Giang	11A10	Nữ	x	XE 14
168	Trần Thị Trúc Anh	12A11	Nữ	X	XE 14
169	Vũ Hoàng Lan Anh	12A11	Nữ	x	XE 14
170	Lê Hoàng Hồng Hà	12A11	Nữ	x	XE 14
171	Lê Ngọc Quỳnh Hương	12A11	Nữ	x	XE 14
172	Phùng Quý Linh	12A11	Nữ	x	XE 14
173	Vũ Gia Mẫn	12A11	Nữ	x	XE 14
174	Trần Gia Mỹ	12A11	Nữ	x	XE 14
175	Phạm Võ Khánh Ngân	12A11	Nữ	x	XE 14
176	Nguyễn Minh Phương	12A11	Nữ	x	XE 14

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
177	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12A11	Nữ	x	XE 14
178	Võ Quỳnh Thư	12A11	Nữ	x	XE 14
179	Nguyễn Đoàn Hoài Thương	12A11	Nữ	x	XE 14
180	Vũ Thị Bích Trâm	12A11	Nữ	x	XE 14
181	Quách Lê Hoàng Vy	12A11	Nữ	x	XE 14
182	Nguyễn Lê Kim Duyên	12A11	Nữ	x	XE 14
183	Lê Văn Thiên Ân	12A14	Nam	x	XE 14
184	Lê Đức Anh	12A14	Nam	x	XE 14
185	Lương Vũ Hoàng Anh	12A14	Nữ	x	XE 14
186	Lê Huy Bảo	12A14	Nam	x	XE 14
187	Cao Thị Bé Bi	12A14	Nữ	x	XE 14
188	Nguyễn Lê Hải Bình	12A14	Nữ	x	XE 14
189	Phạm Hoàng Dũng	12A14	Nam	x	XE 14
190	Trần Vũ Gia Hân	12A14	Nữ	x	XE 14
191	Đinh Hoàng Gia Huy	12A14	Nam	x	XE 14
192	Nguyễn Dương Thanh Huyền	12A14	Nữ	x	XE 14
193	Lê Huỳnh Phước Lộc	12A14	Nam	x	XE 14
194	Lê Hoàng Thanh Ngân	12A14	Nữ	x	XE 14
195	Nguyễn Nguyễn Tô Ni	12A14	Nam	x	XE 14
196	Ngô Thụy Hà Phương	12A14	Nữ	x	XE 14
197	Nguyễn Lê Anh Quân	12A14	Nam	x	XE 14
198	Cấn Xuân Thái	12A14	Nam	x	XE 14
199	Nguyễn Thị Thanh	12A14	Nữ	x	XE 14
200	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	12A14	Nữ	x	XE 14
201	Huỳnh Nguyễn Kiến Thức	12A14	Nam	x	XE 14
202	Nguyễn Thị Ngọc Thương	12A14	Nữ	x	XE 14
203	Lương Công Đức Tiến	12A14	Nam	x	XE 14
204	Phan Thị Hương Trang	12A14	Nữ	x	XE 14
205	Nguyễn Ngọc Đoan Trinh	12A14	Nữ	x	XE 14
206	Phan Thanh Tuyền	12A14	Nữ	x	XE 14
207	Nguyễn Đoàn Phương Uyên	12A14	Nữ	x	XE 14
208	Nguyễn Hoàng Trúc Vy	12A14	Nữ	x	XE 14
209	Nguyễn Thị Tường Vy	12A14	Nữ	x	XE 14
210	Bành Lê Như Ý	12A14	Nữ	x	XE 14
211	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	11A4	Nữ	x	XE 15
212	Trương An Hạ	11A4	Nữ	x	XE 15

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
213	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	11A4	Nữ	x	XE 15
214	Lê Nguyễn Thanh Hưng	11A4	Nam	x	XE 15
215	Nguyễn Ngô Tân Khoa	11A4	Nam	x	XE 15
216	Nguyễn Thanh Khoa	11A4	Nam	x	XE 15
217	Cái Minh Khôi	11A4	Nam	x	XE 15
218	Hồ Gia My	11A4	Nữ	x	XE 15
219	Lê Quốc Phong	11A4	Nam	x	XE 15
220	Huỳnh Nguyễn Bích Phượng	11A4	Nữ	x	XE 15
221	Huỳnh Đông Quân	11A4	Nam	x	XE 15
222	Trần Nguyễn Đăng Quang	11A4	Nam	x	XE 15
223	Trần Viết Thịnh	11A4	Nam	x	XE 15
224	Nguyễn Cao Ngọc Thùy	11A4	Nữ	x	XE 15
225	Trần Thùy Trang	11A4	Nữ	x	XE 15
226	Trần Minh Triết	11A4	Nam	x	XE 15
227	Lê Trần Quỳnh Châu	11A14	Nữ	x	XE 15
228	Ngô Thanh Bảo Châu	11A14	Nữ	x	XE 15
229	Trần Minh Chiến	11A14	Nam	x	XE 15
230	Tạ Đình Chương	11A14	Nam	x	XE 15
231	Dương Minh Đạt	11A14	Nam	x	XE 15
232	Trần Gia Hân	11A14	Nữ	x	XE 15
233	Hồ Thanh Hòa	11A14	Nam	x	XE 15
234	Phạm Thị Hải Hưng	11A14	Nữ	x	XE 15
235	Mai An Khang	11A14	Nam	x	XE 15
236	Nguyễn Anh Khôi	11A14	Nam	x	XE 15
237	Nguyễn Hồng Tuấn Kiệt	11A14	Nam	x	XE 15
238	Trần Ngọc Thùy Linh	11A14	Nữ	x	XE 15
239	Vũ Hoàng Minh	11A14	Nam	x	XE 15
240	Lâm Thị Mỹ Nga	11A14	Nữ	x	XE 15
241	Lê Lâm Yến Nhi	11A14	Nữ	x	XE 15
242	Nguyễn Thị Hồng Như	11A14	Nữ	x	XE 15
243	Giang Kim Ngọc Phú	11A14	Nam	x	XE 15
244	Phan Lê Quỳnh	11A14	Nữ	x	XE 15
245	Phạm Văn Thanh Tâm	11A14	Nữ	x	XE 15
246	Đặng Tiến Thành	11A14	Nam	x	XE 15
247	Trần Thụy Thạch Thảo	11A14	Nữ	x	XE 15
248	Nguyễn Bảo Thông	11A14	Nam	x	XE 15

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
249	Phan Đức Trí	11A14	Nam	x	XE 15
250	Hồ Thanh Phương Vân	11A14	Nữ	x	XE 15
251	Cao Anh Văn	11A14	Nam	x	XE 15
252	Trần Nhật Vy	11A14	Nữ	x	XE 15
253	Lê Minh Thiện / NT	11A14	Nam	x	XE 15
254	Cao Hoàng Phương Anh	11A8	Nữ	x	XE 16
255	Trần Nguyên Bảo	11A8	Nam	x	XE 16
256	Nguyễn Bá Tiến Đạt	11A8	Nam	x	XE 16
257	Nguyễn Ngọc Doanh	11A8	Nữ	x	XE 16
258	Trương Phúc Hậu	11A8	Nam	x	XE 16
259	Trần Đại Trung Hiếu	11A8	Nam	x	XE 16
260	Trần Thị Thu Hương	11A8	Nữ	x	XE 16
261	Đinh Minh Huy	11A8	Nam	x	XE 16
262	Phạm Đức Hoàng Minh	11A8	Nam	x	XE 16
263	Trần Đại Nhân Nghĩa	11A8	Nam	x	XE 16
264	Nguyễn Thị Phương Như	11A8	Nữ	X	XE 16
265	Nguyễn Xuân Phát	11A8	Nam	X	XE 16
266	Trần Thiên Phú	11A8	Nam	X	XE 16
267	Trần Trung Tâm	11A8	Nam	x	XE 16
268	Nguyễn Văn Thành	11A8	Nam	X	XE 16
269	Nguyễn Huỳnh Trí	11A8	Nam	X	XE 16
270	Nguyễn Hải Triều	11A8	Nam	x	XE 16
271	Lê Nguyễn Anh Tuấn	11A8	Nam	x	XE 16
272	Võ Trí Ân	12A12	Nam	x	XE 16
273	Đinh Hoàng Quỳnh Anh	12A12	Nữ	x	XE 16
274	Nguyễn Hoàng Vân Anh	12A12	Nữ	x	XE 16
275	Nguyễn Hồng Châu	12A12	Nữ	x	XE 16
276	Bùi Quang Đức	12A12	Nam	x	XE 16
277	Đinh Nguyễn Ngọc Hà	12A12	Nữ	x	XE 16
278	Trương Ngọc Mai Hân	12A12	Nữ	x	XE 16
279	Nguyễn Trung Hiếu	12A12	Nam	x	XE 16
280	Lê Minh Huy	12A12	Nam	x	XE 16
281	Đinh Thị Phương Linh	12A12	Nữ	x	XE 16
282	Lê Thị Hồng Loan	12A12	Nữ	x	XE 16
283	Nguyễn Bảo Ngọc	12A12	Nam	x	XE 16
284	Trần Như Ngọc	12A12	Nữ	x	XE 16

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
285	Đoàn Kim Nguyên	12A12	Nữ	x	XE 16
286	Nguyễn Trọng Nhân	12A12	Nam	x	XE 16
287	Liều Thành Phát	12A12	Nam	x	XE 16
288	Nguyễn Lê Thanh Phong	12A12	Nam	x	XE 16
289	Phan Nhật Quang	12A12	Nam	x	XE 16
290	Bùi Ngọc Thanh Thảo	12A12	Nữ	x	XE 16
291	Lê Thanh Thảo	12A12	Nữ	x	XE 16
292	Đỗ Mai Thiên	12A12	Nữ	x	XE 16
293	Phan Trung Tín	12A12	Nam	x	XE 16
294	Nguyễn Thị Tuyết Trang	12A12	Nữ	x	XE 16
295	Nguyễn Châu Tuấn	12A12	Nam	x	XE 16
296	Trần Công Tuyền	12A12	Nam	x	XE 16
297	Trần Hoàng Minh An	11A3	Nữ	x	XE 17
298	Lê Viết Bá	11A3	Nam	x	XE 17
299	Hồ Thiên Dung	11A3	Nữ	x	XE 17
300	Phạm Thị Ngọc Hà	11A3	Nữ	x	XE 17
301	Lê Ngọc Nguyên Khôi	11A3	Nam	x	XE 17
302	Nguyễn Chu Yên Lam	11A3	Nữ	x	XE 17
303	Trần Thị Mỹ Linh	11A3	Nữ	x	XE 17
304	Bùi Cao Lương	11A3	Nam	x	XE 17
305	Phạm Thành Nam	11A3	Nam	x	XE 17
306	Đào Bích Ngọc	11A3	Nữ	x	XE 17
307	Võ Thiên Phước	11A3	Nam	x	XE 17
308	Nguyễn Thùy Ngọc Quý	11A3	Nữ	x	XE 17
309	Bùi Đặng Quốc Thái	11A3	Nam	x	XE 17
310	Nguyễn Hữu Thịnh	11A3	Nam	x	XE 17
311	Võ Ngọc Anh Thư	11A3	Nữ	x	XE 17
312	Nguyễn Anh Tuấn	11A3	Nam	x	XE 17
313	Bùi Lê Hồng Yến	11A3	Nữ	x	XE 17
314	Mai Nguyễn Tường Anh	11A11	Nữ	x	XE 17
315	Phan Thị Minh Anh	11A11	Nữ	x	XE 17
316	Phùng Vũ Vân Anh	11A11	Nữ	x	XE 17
317	Nguyễn Nhật Bảo	11A11	Nam	x	XE 17
318	Hồ Thanh Bình	11A11	Nam	x	XE 17
319	Trần Ngọc Thảo Hân	11A11	Nữ	x	XE 17
320	Vũ Minh Hoàng	11A11	Nam	x	XE 17

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
321	Dương Quốc Hưng	11A11	Nam	x	XE 17
322	Đặng Trường Huy	11A11	Nam	x	XE 17
323	Lê Huy Khánh	11A11	Nam	x	XE 17
324	Lương Hoàng Khiêm	11A11	Nam	x	XE 17
325	Đặng Đức Long	11A11	Nam	x	XE 17
326	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	11A11	Nữ	x	XE 17
327	Đồng Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	11A11	Nữ	x	XE 17
328	Nguyễn Ngọc Xuân Nghi	11A11	Nữ	x	XE 17
329	Nguyễn Thị Bích Ngọc	11A11	Nữ	x	XE 17
330	Phan Duy Nhật	11A11	Nam	x	XE 17
331	Đặng Minh Sang	11A11	Nam	x	XE 17
332	Nguyễn Quốc Thái	11A11	Nam	x	XE 17
333	Lê Đức Thịnh	11A11	Nam	x	XE 17
334	Nguyễn Tiến Thịnh	11A11	Nam	x	XE 17
335	Vũ Ngọc Thanh Tú	11A11	Nữ	x	XE 17
336	Châu Nam Tuấn	11A11	Nam	x	XE 17
337	Trần Quốc Vinh	11A11	Nam	x	XE 17
338	Vũ Quang Vĩnh	11A11	Nam	x	XE 17
339	Lê Trần Thanh Bình/NT	11A3	Nam	x	XE 17
340	Phạm Quốc Đạt	12A5	Nam	x	XE 18
341	Phạm Thị Ngọc Diễm	12A5	Nữ	x	XE 18
342	Phạm Trọng Đức	12A5	Nữ	x	XE 18
343	Nguyễn Trí Dũng	12A5	Nam	x	XE 18
344	Nguyễn Thị Hồng Huệ	12A5	Nữ	x	XE 18
345	Đặng Kim Hương	12A5	Nữ	x	XE 18
346	Vũ Quốc Gia Huy	12A5	Nam	x	XE 18
347	Lê Bảo Gia Khang	12A5	Nam	x	XE 18
348	Nguyễn Phạm Duy Khánh	12A5	Nam	x	XE 18
349	Đỗ Nguyễn Đình Khiêm	12A5	Nam	x	XE 18
350	Nguyễn Trung Kiên	12A5	Nam	x	XE 18
351	Nguyễn Quang Kiệt	12A5	Nam	x	XE 18
352	Trương Nguyễn Hoàng Mai	12A5	Nữ	x	XE 18
353	Trịnh Công Minh	12A5	Nam	x	XE 18
354	Nguyễn Thị Thúy Ngân	12A5	Nữ	x	XE 18
355	Nguyễn Duy Nguyên	12A5	Nam	x	XE 18
356	Trần Thanh Nhân	12A5	Nữ	x	XE 18

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
357	Phan Nguyễn Thành Nhân	12A5	Nam	x	XE 18
358	Huỳnh Ngọc Thanh Phúc	12A5	Nam	x	XE 18
359	Nguyễn Thanh Phương	12A5	Nam	x	XE 18
360	Đầu Minh Thiện	12A5	Nam	x	XE 18
361	Văn Minh Trung	12A5	Nam	x	XE 18
362	Dương Thúy Vy	12A5	Nữ	x	XE 18
363	Lê Chơn Bảo	12A8	Nam	x	XE 18
364	Cao Uyên Chi	12A8	Nữ	x	XE 18
365	Nguyễn Thành Chương	12A8	Nam	x	XE 18
366	Huỳnh Văn Đạt	12A8	Nam	x	XE 18
367	Phạm Minh Dương	12A8	Nam	x	XE 18
368	Trần Thị Mai Hân	12A8	Nữ	x	XE 18
369	Lê Nguyễn Thanh Hiền	12A8	Nữ	x	XE 18
370	Nguyễn Mã Gia Huy	12A8	Nam	x	XE 18
371	Nguyễn Văn Huỳnh	12A8	Nam	x	XE 18
372	Nguyễn Thành Lân	12A8	Nam	x	XE 18
373	Đồng Thành Luân	12A8	Nam	x	XE 18
374	Hà Kim Ngân	12A8	Nữ	x	XE 18
375	Lê Thị Ánh Nguyệt	12A8	Nữ	x	XE 18
376	Lê Anh Quốc	12A8	Nam	x	XE 18
377	Trương Văn Thanh	12A8	Nam	x	XE 18
378	Mạc Như Thành	12A8	Nam	x	XE 18
379	Ngô Hồng Thượng	12A8	Nam	x	XE 18
380	Bùi Đình Bảo Truyền	12A8	Nam	x	XE 18
381	Tô Quốc Tuấn	12A8	Nam	x	XE 18
382	Lê Xuân Tùng	12A8	Nam	x	XE 18
383	Vũ Châu Anh	11A2	Nữ	x	XE 19
384	Phạm Việt Hưng	11A2	Nam	x	XE 19
385	Nguyễn Khoa	11A2	Nam	x	XE 19
386	Lê Ngọc Thành Liêm	11A2	Nam	x	XE 19
387	Nguyễn Đình Nghi	11A2	Nam	x	XE 19
388	Bùi Hữu Nhân	11A2	Nam	x	XE 19
389	Huỳnh Tấn Phát	11A2	Nam	x	XE 19
390	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	11A2	Nam	x	XE 19
391	Phan Thanh Phương	11A2	Nữ	x	XE 19
392	Phan Minh Quân	11A2	Nam	x	XE 19

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
393	Huỳnh Nhật Quang	11A2	Nam	x	XE 19
394	Hoàng Trang Thi	11A2	Nữ	x	XE 19
395	Đoàn Hồng Trâm	11A2	Nữ	x	XE 19
396	Lâm Châu Nhân Ái	12A13	Nữ	x	XE 19
397	Nguyễn Đặng Tâm An	12A13	Nữ	x	XE 19
398	Nguyễn Tú Anh	12A13	Nữ	x	XE 19
399	Đỗ Chung Thanh Bảo	12A13	Nam	x	XE 19
400	Trần Thị Hồng Châu	12A13	Nữ	x	XE 19
401	Nguyễn Vũ Thu Hà	12A13	Nữ	x	XE 19
402	Phạm Lê Anh Hào	12A13	Nam	x	XE 19
403	Nguyễn Xuân Quang Huân	12A13	Nam	x	XE 19
404	Trịnh Hoàng Kim Khánh	12A13	Nữ	x	XE 19
405	Nguyễn Đăng Khoa	12A13	Nam	x	XE 19
406	Trần Thùy Linh	12A13	Nữ	x	XE 19
407	Hứa Lê Minh	12A13	Nam	x	XE 19
408	Nguyễn Minh Quân	12A13	Nam	x	XE 19
409	Liều Thành Tài	12A13	Nam	x	XE 19
410	Nguyễn Thành Tài	12A13	Nam	x	XE 19
411	Võ Trí Thắng	12A13	Nam	x	XE 19
412	Đỗ Thị Thu Tháo	12A13	Nữ	x	XE 19
413	Lương Thy Anh Thư	12A13	Nữ	x	XE 19
414	Nguyễn Ngọc Minh Thư	12A13	Nữ	x	XE 19
415	Hoàng Phạm Quỳnh Thương	12A13	Nữ	x	XE 19
416	Lê Nguyễn Thanh Thùy	12A13	Nữ	x	XE 19
417	Nguyễn Thanh Tiến	12A13	Nam	x	XE 19
418	Lê Bảo Phương Trinh	12A13	Nữ	x	XE 19
419	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	12A13	Nữ	x	XE 19
420	Võ Phương Uyên	12A13	Nữ	x	XE 19
421	Phạm Thiên Ân	12A4	Nam	x	XE 2
422	Lê Quốc Bảo	12A4	Nam	x	XE 2
423	Nguyễn Quốc Bảo	12A4	Nam	x	XE 2
424	Bùi Thành Đạt	12A4	Nam	x	XE 2
425	Huỳnh Phương Duy	12A4	Nam	x	XE 2
426	Phan Phúc Hậu	12A4	Nam	x	XE 2
427	Nguyễn Thu Hương	12A4	Nữ	x	XE 2
428	Đặng Quang Huy	12A4	Nam	x	XE 2

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
429	Đinh Gia Huy	12A4	Nam	x	XE 2
430	Nguyễn Quang Huy	12A4	Nam	x	XE 2
431	Nguyễn Duy Khanh	12A4	Nam	x	XE 2
432	Trần Đình Khánh	12A4	Nam	x	XE 2
433	Trần Đăng Khoa	12A4	Nam	x	XE 2
434	Trần Thanh Khoa	12A4	Nam	x	XE 2
435	Tôn Nguyễn Kim Lan	12A4	Nữ	x	XE 2
436	Lê Thanh Liêm	12A4	Nam	x	XE 2
437	Nguyễn Duy Linh	12A4	Nam	x	XE 2
438	Nguyễn Hoàng Minh	12A4	Nam	x	XE 2
439	Trà Hữu Minh	12A4	Nam	x	XE 2
440	Phạm Hữu Nam	12A4	Nam	x	XE 2
441	Phạm Thu Ngân	12A4	Nữ	x	XE 2
442	Lê Hiệp Nguyên	12A4	Nam	x	XE 2
443	Đặng Lê Minh Nguyệt	12A4	Nữ	x	XE 2
444	Phạm Thế Nhân	12A4	Nam	x	XE 2
445	Trần Nguyễn Hoàng Nhi	12A4	Nữ	x	XE 2
446	Trương Bình Nhi	12A4	Nữ	x	XE 2
447	Trần Lê Kim Nhựt	12A4	Nữ	x	XE 2
448	Cao Huỳnh Trúc Phương	12A4	Nữ	x	XE 2
449	Lê Minh Quân	12A4	Nam	x	XE 2
450	Trần Nhật Quang	12A4	Nam	x	XE 2
451	Trần Minh Sơn	12A4	Nam	x	XE 2
452	Trương Tấn Tài	12A4	Nam	x	XE 2
453	Lê Thị Thanh Tâm	12A4	Nữ	x	XE 2
454	Lê Minh Tiến	12A4	Nam	x	XE 2
455	Tôn Võ Hoàng Uyên	12A4	Nữ	x	XE 2
456	Trần Chí Cường	12A11	Nam	x	XE 2
457	Đinh Quốc Hiếu	12A11	Nam	x	XE 2
458	Nguyễn Trọng Khoa	12A11	Nam	x	XE 2
459	Phạm Huỳnh Nhật Quân	12A11	Nam	x	XE 2
460	Nguyễn Hữu Thịnh	12A11	Nam	x	XE 2
461	Bùi Trí Tín	12A11	Nam	x	XE 2
462	Nguyễn Xuân Trường	12A11	Nam	x	XE 2
463	Đỗ Hoàng Vinh	12A11	Nam	x	XE 2
464	Vũ Thành An	12A7	Nam	x	XE 3

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
465	Đặng Gia Ân	12A7	Nam	x	XE 3
466	Lê Quốc Anh	12A7	Nam	x	XE 3
467	Nguyễn Nhật Anh	12A7	Nam	x	XE 3
468	Trần Thị Kim Anh	12A7	Nữ	x	XE 3
469	Phan Hà Hoàn Châu	12A7	Nữ	x	XE 3
470	Vũ Tấn Đạt	12A7	Nam	x	XE 3
471	Liêng Thị Thanh Dung	12A7	Nữ	x	XE 3
472	Lê Nguyễn Hùng Dũng	12A7	Nam	x	XE 3
473	Huỳnh Bảo Duy	12A7	Nam	x	XE 3
474	Ngô Thị Lệ Duyên	12A7	Nữ	x	XE 3
475	Nguyễn Viên Trung Hiếu	12A7	Nam	x	XE 3
476	Nguyễn Trương Hùng	12A7	Nam	x	XE 3
477	Trần Dương Phước Lâm	12A7	Nam	x	XE 3
478	Trương Thị Thanh Mai	12A7	Nữ	x	XE 3
479	Trần Lan Như	12A7	Nữ	x	XE 3
480	Nguyễn Văn Phát	12A7	Nam	x	XE 3
481	Lê Hoàng Phi	12A7	Nam	x	XE 3
482	Đặng Vĩnh Phú	12A7	Nam	x	XE 3
483	Hồ Bích Phượng	12A7	Nữ	x	XE 3
484	Nguyễn Ngọc Xuân Quỳnh	12A7	Nữ	x	XE 3
485	Hoàng Phước Sang	12A7	Nam	x	XE 3
486	Nguyễn Thanh Sang	12A7	Nam	x	XE 3
487	Nguyễn Thành Tài	12A7	Nam	x	XE 3
488	Bùi Nguyễn Mỹ Tâm	12A7	Nữ	x	XE 3
489	Võ Nhật Tân	12A7	Nam	x	XE 3
490	Nguyễn Nhật Tín	12A7	Nam	x	XE 3
491	Nguyễn Đức Trung	12A7	Nam	x	XE 3
492	Phan Thành Trung	12A7	Nam	x	XE 3
493	Lê Trần Quốc Tuấn	12A7	Nam	x	XE 3
494	Đinh Cát Tường	12A7	Nữ	x	XE 3
495	Huỳnh Minh Vũ	12A7	Nam	x	XE 3
496	Nguyễn Huỳnh Mỹ Xuân	12A7	Nữ	x	XE 3
497	Nguyễn Quốc Bình	12A16	Nam	x	XE 3
498	Mai Văn Nam	12A16	Nam	x	XE 3
499	Lê Khánh Nghi	12A16	Nữ	x	XE 3
500	Nguyễn Trường Phú	12A16	Nam	x	XE 3

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
501	Ngô Hoàng Hồng Phúc	12A16	Nữ	x	XE 3
502	Nguyễn Thị Tú Phương	12A16	Nữ	x	XE 3
503	Võ Thụy Huyền Trân	12A16	Nữ	x	XE 3
504	Lê Xuân Tùng	12A16	Nam	x	XE 3
505	Nguyễn Thiệu Vy	12A16	Nữ	x	XE 3
506	Nguyễn Đoàn Minh Châu	11A6	Nữ	x	XE 4
507	Đoàn Gia Cường	11A6	Nam	x	XE 4
508	Lê Hương Nhi	11A6	Nữ	x	XE 4
509	Nguyễn Châu Thanh Phong	11A6	Nam	x	XE 4
510	Bùi Lê Uyên Phương	11A6	Nữ	x	XE 4
511	Tam Tuệ Tâm	11A6	Nữ	x	XE 4
512	Đoàn Anh Tuấn	11A6	Nam	x	XE 4
513	Nguyễn Hà Tháo Vân	11A6	Nữ	x	XE 4
514	Tôn Hạnh Vy	11A6	Nữ	X	XE 4
515	Lê Đức Anh	12A2	Nam	x	XE 4
516	Nguyễn Đức Anh	12A2	Nam	x	XE 4
517	Thiếu Kim Duy Cường	12A2	Nam	x	XE 4
518	Nguyễn Minh Đức	12A2	Nam	x	XE 4
519	Nguyễn Hạnh Dung	12A2	Nữ	x	XE 4
520	Trần Mai Thúy Hà	12A2	Nữ	x	XE 4
521	Lê Võ Thanh Hằng	12A2	Nữ	x	XE 4
522	Vũ Đình Hành	12A2	Nam	x	XE 4
523	Nguyễn Kim Thúy Hiền	12A2	Nữ	x	XE 4
524	Võ Văn Hiền	12A2	Nam	x	XE 4
525	Lê Minh Hùng	12A2	Nam	x	XE 4
526	Nguyễn Huỳnh Gia Huy	12A2	Nam	x	XE 4
527	Nguyễn Như Huy	12A2	Nam	x	XE 4
528	Trần Hùng Bảo Lộc	12A2	Nam	x	XE 4
529	Nguyễn Hoàng Long	12A2	Nam	x	XE 4
530	Vy Vũ Luân	12A2	Nam	x	XE 4
531	Vương Phạm Kim Ngân	12A2	Nữ	x	XE 4
532	Nguyễn Cao Duy Nguyên	12A2	Nam	x	XE 4
533	Nguyễn Thị Thanh Nhã	12A2	Nữ	x	XE 4
534	Trần Mẫn Nhi	12A2	Nữ	x	XE 4
535	Phan Hoàng Phát	12A2	Nam	x	XE 4
536	Trương Kiếm Phi	12A2	Nam	x	XE 4

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
537	Châu Hải Phúc	12A2	Nam	x	XE 4
538	Trần Phi Phụng	12A2	Nữ	x	XE 4
539	Lê Nguyễn Đình Phương	12A2	Nam	x	XE 4
540	Lại Thị Thanh Thảo	12A2	Nữ	x	XE 4
541	Nguyễn Hoàng Thi	12A2	Nam	x	XE 4
542	Nguyễn Hưng Thịnh	12A2	Nam	x	XE 4
543	Lê Hoàng Kim Tiến	12A2	Nữ	x	XE 4
544	Mai Thị Thu Trang	12A2	Nữ	x	XE 4
545	Vũ Thanh Trúc	12A2	Nữ	x	XE 4
546	Nguyễn Anh Tuấn	12A2	Nam	x	XE 4
547	Nguyễn Ngọc Tuyền	12A2	Nữ	x	XE 4
548	Nguyễn Hoàng Phúc Ân	12A15	Nam	x	XE 5
549	Lê Trọng Anh	12A15	Nam	x	XE 5
550	Lê Tú Anh	12A15	Nữ	x	XE 5
551	Trần Lê Lan Anh	12A15	Nữ	x	XE 5
552	Nguyễn Vũ Hoàng Châu	12A15	Nữ	x	XE 5
553	Đỗ Lê Phát Đạt	12A15	Nam	x	XE 5
554	Điền Bảo Hân	12A15	Nữ	x	XE 5
555	Nguyễn Văn Khoa	12A15	Nam	x	XE 5
556	Phúc Đăng Khoa	12A15	Nam	x	XE 5
557	Võ Phương Linh	12A15	Nữ	x	XE 5
558	Đặng Nguyễn Trúc Ly	12A15	Nữ	x	XE 5
559	Bùi Thị Ngọc Mai	12A15	Nữ	x	XE 5
560	Lâm Thị Ngọc Nga	12A15	Nữ	x	XE 5
561	Nguyễn Dương Bảo Nghi	12A15	Nữ	x	XE 5
562	Trần Đình Thảo Nguyên	12A15	Nữ	x	XE 5
563	Lê Trần Tú Nhi	12A15	Nữ	x	XE 5
564	Lê Mỹ Phương	12A15	Nữ	x	XE 5
565	Nguyễn Minh Quân	12A15	Nam	x	XE 5
566	Trần Thanh Quỳnh	12A15	Nữ	x	XE 5
567	Võ Ngọc Như Quỳnh	12A15	Nữ	x	XE 5
568	Nguyễn Tiến Sang	12A15	Nam	x	XE 5
569	Nguyễn Tấn Sĩ	12A15	Nam	x	XE 5
570	Lê Ngọc Sơn	12A15	Nam	x	XE 5
571	Nguyễn Hoàng Sơn	12A15	Nam	x	XE 5
572	Vũ Minh Tân	12A15	Nam	x	XE 5

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
573	Nguyễn Hồ Thanh Thảo	12A15	Nữ	x	XE 5
574	Phan Nguyễn Minh Thi	12A15	Nữ	x	XE 5
575	Nguyễn Thị Thủy Tiên	12A15	Nữ	x	XE 5
576	Nguyễn Thanh Minh Trí	12A15	Nam	x	XE 5
577	Cao Thị Tuyết Trinh	12A15	Nữ	x	XE 5
578	Đỗ Hoài Trinh	12A15	Nữ	x	XE 5
579	Nghiêm Xuân Tùng	12A15	Nam	x	XE 5
580	Lê Hoàng Ngọc Tuyền	12A15	Nữ	x	XE 5
581	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	12A1	Nữ	x	XE 6
582	Trần Ngọc Anh	12A1	Nữ	x	XE 6
583	Dương Thị Ngọc Ánh	12A1	Nữ	x	XE 6
584	Trương Thanh Bảo	12A1	Nam	x	XE 6
585	Nguyễn Đăng Thanh Hằng	12A1	Nữ	x	XE 6
586	Nguyễn Kim Hoàn	12A1	Nữ	x	XE 6
587	Dương Phương Hưng	12A1	Nam	x	XE 6
588	Mai Gia Huy	12A1	Nam	x	XE 6
589	Lê Ngọc Phương Linh	12A1	Nữ	x	XE 6
590	Phạm Thanh Lộc	12A1	Nam	x	XE 6
591	Bùi Nguyễn Hoàng Minh	12A1	Nam	x	XE 6
592	Kim Hương Nam	12A1	Nam	x	XE 6
593	Nguyễn Thị Minh Ngọc	12A1	Nữ	x	XE 6
594	Vũ Nguyễn Bảo Ngọc	12A1	Nữ	x	XE 6
595	Lã Thị Ánh Nguyệt	12A1	Nữ	x	XE 6
596	Nguyễn Gia Nhi	12A1	Nữ	x	XE 6
597	Trương Võ Thanh Như	12A1	Nữ	x	XE 6
598	Lê Trần Minh Nhựt	12A1	Nam	x	XE 6
599	Hoàng Thiều Quang	12A1	Nam	x	XE 6
600	Tăng Đỗ Nhật Quỳnh	12A1	Nữ	x	XE 6
601	Nguyễn Lê Ngọc Thảo	12A1	Nữ	x	XE 6
602	Vũ Khánh Thuỳ	12A1	Nữ	x	XE 6
603	Đặng Trang Thy	12A1	Nữ	x	XE 6
604	Lê Thị Thủy Tiên	12A1	Nữ	x	XE 6
605	Phạm Nguyễn Nguyên Trân	12A1	Nữ	x	XE 6
606	Nguyễn Cao Thùy Trang	12A1	Nữ	x	XE 6
607	Trần Thu Trang	12A1	Nữ	x	XE 6
608	Trần Thị Thạch Trúc	12A1	Nữ	X	XE 6

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
609	Phạm Xuân Trường	12A1	Nam	x	XE 6
610	Nguyễn Trần Anh Tuấn	12A1	Nam	x	XE 6
611	Trần Hoàng Uyên	12A1	Nữ	x	XE 6
612	Nguyễn Cao Hà Vi	12A1	Nữ	x	XE 6
613	Nguyễn Lê Ngọc Thy	12A1	Nữ	x	XE 6
614	Huỳnh Phùng Thiên Kim	12A1	Nữ	X	XE 6
615	Phạm Ngọc Anh	12A9	Nữ	x	XE 7
616	Nguyễn Quốc Chính	12A9	Nam	x	XE 7
617	Đoàn Trọng Đại	12A9	Nam	x	XE 7
618	Vũ Thị Minh Hiền	12A9	Nữ	x	XE 7
619	Lê Trung Hiếu	12A9	Nam	x	XE 7
620	Nguyễn Chí Hiếu	12A9	Nam	x	XE 7
621	Triệu Quốc Hưng	12A9	Nam	x	XE 7
622	Trần Đức Huy	12A9	Nam	x	XE 7
623	Trương Hoàng Dĩ Khang	12A9	Nam	x	XE 7
624	Nguyễn Anh Khoa	12A9	Nam	x	XE 7
625	Ngô Mỹ Linh	12A9	Nữ	x	XE 7
626	Phan Ngọc Linh	12A9	Nữ	x	XE 7
627	Ngô Phúc Lộc	12A9	Nam	x	XE 7
628	Hoàng Thanh Minh	12A9	Nam	x	XE 7
629	Lê Công Minh	12A9	Nam	x	XE 7
630	Lê Đình Nam	12A9	Nam	x	XE 7
631	Bùi Phúc Nguyên	12A9	Nam	x	XE 7
632	Đào Thành Nhân	12A9	Nam	x	XE 7
633	Phạm Đoàn Diễm Phúc	12A9	Nữ	x	XE 7
634	Nguyễn Minh Nhật Quang	12A9	Nam	x	XE 7
635	Đặng Cao Quỳnh	12A9	Nữ	x	XE 7
636	Võ Hoàng Như Quỳnh	12A9	Nữ	x	XE 7
637	Nguyễn Quốc Thắng	12A9	Nam	x	XE 7
638	Bùi Công Thuận	12A9	Nam	x	XE 7
639	Trần Thị Thanh Thủy	12A9	Nữ	x	XE 7
640	Nguyễn Thảo Mai Thy	12A9	Nữ	x	XE 7
641	Phạm Nguyễn Phương Trang	12A9	Nữ	x	XE 7
642	Trương Đình Trí	12A9	Nam	x	XE 7
643	Huỳnh Minh Tú	12A9	Nam	x	XE 7
644	Phạm Thanh Vũ	12A9	Nam	x	XE 7

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
645	Khuu Ngọc Tường Vy	12A9	Nữ	x	XE 7
646	Tôn Nữ Thảo Vy	12A9	Nữ	X	XE 7
647	Dư Triều Vỹ	12A9	Nam	x	XE 7
648	Huỳnh Ngọc Bảo	11A10	Nam	x	XE 8
649	Nguyễn Phan Gia Bảo	11A10	Nam	x	XE 8
650	Diệp Thành Đạt	11A10	Nam	x	XE 8
651	Phạm Thị Thanh Hằng	11A10	Nữ	x	XE 8
652	Nguyễn Ngọc Hiền	11A10	Nam	x	XE 8
653	Lưu Thị Hiếu	11A10	Nữ	x	XE 8
654	Lê Thanh Hùng	11A10	Nam	x	XE 8
655	Nguyễn Thị Khánh Nhạn	11A10	Nữ	x	XE 8
656	Nguyễn Hiếu Trung Quân	11A10	Nam	x	XE 8
657	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	11A10	Nữ	x	XE 8
658	Nguyễn Anh Tú	11A10	Nam	x	XE 8
659	Nguyễn Anh Tuấn	11A10	Nam	x	XE 8
660	Nguyễn Hồng Bảo An	11A13	Nữ	x	XE 8
661	Ngô Vi Công	11A13	Nam	x	XE 8
662	Huỳnh Bạch Quốc Đăng	11A13	Nam	x	XE 8
663	Nguyễn Phi Hùng	11A13	Nam	x	XE 8
664	Bùi Minh Huy	11A13	Nam	x	XE 8
665	Nguyễn Đăng Huy	11A13	Nam	x	XE 8
666	Hoàng Lê Diễm Huyền	11A13	Nữ	x	XE 8
667	Võ Phan Hoài Khánh	11A13	Nữ	x	XE 8
668	Ngô Quang Lộc	11A13	Nam	x	XE 8
669	Vũ Hoàng Long	11A13	Nam	x	XE 8
670	Dương Ngọc Thiên Lý	11A13	Nữ	x	XE 8
671	Nguyễn Hoài Minh Mẫn	11A13	Nam	x	XE 8
672	Huỳnh Đỗ Ngọc Mỹ	11A13	Nữ	x	XE 8
673	Phạm Thành Nam	11A13	Nam	x	XE 8
674	Lưu Thị Minh Ngọc	11A13	Nữ	x	XE 8
675	Nguyễn Kim Tuyết Như	11A13	Nữ	x	XE 8
676	Phan Nhật Phát	11A13	Nam	x	XE 8
677	Huỳnh Phạm Minh Quân	11A13	Nam	x	XE 8
678	Vũ Thục Quyên	11A13	Nữ	x	XE 8
679	Bùi Vũ Minh Thiên	11A13	Nam	x	XE 8
680	Đinh Lê Hoài Thương	11A13	Nữ	x	XE 8

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
681	Trang Khanh Huỳnh Ngọc Trân	11A13	Nữ	x	XE 8
682	Vân Thị Quỳnh Trang	11A13	Nữ	x	XE 8
683	Nguyễn Trần Minh Trí	11A13	Nam	x	XE 8
684	Trần Cao Trí	11A13	Nam	x	XE 8
685	Trương Hoàng Trí	11A13	Nam	x	XE 8
686	Đình Quốc Tuấn	11A13	Nam	x	XE 8
687	Đình Thị Ánh Tuyết	11A13	Nữ	x	XE 8
688	Đỗ Nhã Uyên	11A13	Nữ	x	XE 8
689	Nguyễn Thảo Vy	11A13	Nữ	x	XE 8
690	Phạm Nguyễn Ngọc Yến	11A13	Nữ	x	XE 8
691	Huỳnh Lâm Hoài An	11A5	Nữ	X	XE 9
692	Nguyễn Minh Đức	11A5	Nam	x	XE 9
693	Dương Thị Thúy Hiền	11A5	Nữ	x	XE 9
694	Nguyễn Hoàng Anh Khôi	11A5	Nam	x	XE 9
695	Trương Quang Khôi	11A5	Nam	x	XE 9
696	Lê Hồng Anh Kiệt	11A5	Nam	x	XE 9
697	Nguyễn Thành Luân	11A5	Nam	x	XE 9
698	Nguyễn Thanh Như	11A5	Nữ	x	XE 9
699	Nguyễn Anh Thư	11A5	Nữ	x	XE 9
700	Nguyễn Xuân Tiến	11A5	Nam	x	XE 9
701	Nguyễn Đắc Duy Tùng	11A5	Nam	x	XE 9
702	Hoàng Công Tuấn Anh	11A12	Nam	x	XE 9
703	Nguyễn Tuấn Anh	11A12	Nam	x	XE 9
704	Lê Thị Ngọc Ánh	11A12	Nữ	x	XE 9
705	Đặng Hải Bình	11A12	Nam	x	XE 9
706	Võ Huỳnh Minh Châu	11A12	Nữ	x	XE 9
707	Bùi Thị Kim Chi	11A12	Nữ	x	XE 9
708	Lưu Huyền Cơ	11A12	Nữ	x	XE 9
709	Ngô Thụy Nhật Dương	11A12	Nữ	x	XE 9
710	Lưu Thị Hằng	11A12	Nữ	x	XE 9
711	Trịnh Gia Huy	11A12	Nam	x	XE 9
712	Nguyễn Ngọc Khánh	11A12	Nữ	x	XE 9
713	Bùi Nguyễn Đăng Khoa	11A12	Nam	x	XE 9
714	Lê Cao Hoàng Linh	11A12	Nam	x	XE 9
715	Phạm Thị Nhã Linh	11A12	Nữ	x	XE 9
716	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	11A12	Nữ	x	XE 9

STT	Họ và Tên	Lớp	Dân Tộc	Đánh dấu X	XE
717	Trần Thị Hà My	11A12	Nữ	x	XE 9
718	Nguyễn Thanh Nhân	11A12	Nam	x	XE 9
719	Huỳnh Phạm Ý Nhi	11A12	Nữ	x	XE 9
720	Trần Nguyễn Trọng Phú	11A12	Nam	x	XE 9
721	Phùng Thanh Sơn	11A12	Nam	x	XE 9
722	Dương Hoàng Minh Tâm	11A12	Nữ	x	XE 9
723	Tôn Quang Thắng	11A12	Nam	x	XE 9
724	Trịnh Tấn Thuận	11A12	Nam	x	XE 9
725	Trần Thị Ái Trân	11A12	Nữ	x	XE 9
726	Lê Phan Anh Tú	11A12	Nam	x	XE 9
727	Nguyễn Hoàng Minh Tú	11A12	Nữ	x	XE 9
728	Phạm Phú Tuấn	11A12	Nam	x	XE 9
729	Tạ Ngọc Yến Vi	11A12	Nữ	x	XE 9
730	Hồng Trung Việt	11A12	Nam	x	XE 9
731	Nguyễn Ngọc Phương Vy	11A12	Nữ	x	XE 9
732	Nguyễn Trần Phương Vy	11A12	Nữ	x	XE 9
733	Lê Thanh Duy / NT	11A5	Nam	x	XE 9